

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hôi thăm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khánh và ông Trần Ngọc Sơn.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/HSST ngày 02/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST – HS ngày 22/01/2018 đối với các bị cáo:

1. **Hà Đức B**, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đức Đ và bà Vũ Thị H; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 25/11/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

2. **Hà Đức Th**, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đức C và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 25/11/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

3. **Hà Đức T**, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đức Q và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 25/11/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*".

4. **Lê Hữu H**, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kim C và bà Hà Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 25/11/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*".

5. **Hà Đình V**, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đình C và bà Trần Thị N; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/5/2015 bị TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", chấp hành xong bản án ngày 02/4/2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 11/12/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*".

6. **Nguyễn Như L**, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như N và bà Trần Thị N; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011. Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 20/4/2017 bị TAND huyện B xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "*Đánh bạc*". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 27/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

7. **Trần Đỗ L**, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đỗ T và bà Kiều Thị O; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 30/12/2016 bị TAND huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ (đã trừ thời gian tạm giữ) về tội "*Đánh bạc*". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 27/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

8. **Hà Đức Đ**, sinh năm 1968; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đức K và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2017 đến ngày 25/11/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*".

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/11/2017, các bị cáo Hà Đình V, Hà Đức Th, Nguyễn Như L, Lê Hữu H và Hà Đức B rủ nhau đánh bài ăn tiền. Bị cáo B lấy bộ bài tú lơ khơ từ quán bán hàng của mình rồi cùng Th, V, L, H vào bếp nhà bị cáo Hà Đức Đ là bố để bị cáo B, ngồi xuống chiếu nhựa đã trải sẵn ở đó để đánh bài được thua bằng tiền với hình thức chơi "ba cây". Sau đó lần lượt bị cáo Hà Đức T và bị cáo Trần Đỗ L đến và cùng tham gia đánh bạc với B, Th, V, L, H. Khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo Đ thấy các bị cáo B, Th, V, L, H, T, L đang đánh bài được thua bằng tiền tại gian bếp nhà mình thì bảo "ngủ đi", nhưng các bị cáo xin cho chơi thêm thì Đ đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày các bị cáo V, B, T, L, L, H, Th bị tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Công an xã A tuần tra, phát hiện bắt quả tang bài được thua bằng tiền tại gian bếp nhà bị cáo Đ.

Quá trình bắt giữ, lực lượng Công an huyện B đã thu giữ các đồ vật, tài sản như sau: Thu tại nơi các bị cáo ngồi đánh bài được thua bằng tiền: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.400.000 đồng; 01 chiếc chiếu nhựa; 36 quân bài tú lơ khơ. Kiểm tra người các bị cáo đã phát hiện, thu giữ: Hà Đình V: 400.000 đồng và 01 điện thoại IPHONE 6S màu đen; Lê Hữu H: 6.700.000 đồng và 01 điện thoại OPPO Neo 3 màu đen; Hà Đức Th: 90.000 đồng, 01 điện thoại IPHONE 6S màu vàng và 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen; Hà Đức T 12.200.000 đồng và 01 điện thoại IPHONE 6Plus màu trắng; Hà Đức B 01 điện thoại OPPO A57 màu đen; Nguyễn Như L 01 điện thoại SAMSUNG A7 màu đồng; Trần Đỗ L 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen.

Hình thức, quy mô, tính chất các bị cáo đánh bài được thua bằng tiền như sau: Các bị cáo tham gia đánh bạc sử dụng 01 bộ lơ khơ gồm 36 cây bài có thứ tự từ: A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Mỗi loại cây bài này có 04 chất trong đó quy định thứ tự các chất từ to nhất đến nhỏ nhất lần lượt là "Dô", "Co", "Tép", "Bích". Ở mỗi ván bạc có một người điều hành ván bạc được gọi là người cầm chương. Người cầm chương dùng tay trộn 36 cây bài rồi chia đều cho mỗi người 03 cây, những người chơi đặt tiền xuống chiếu (đặt cửa). Sau đó người cầm chương và những người tham gia chơi tự cộng điểm của 03 cây bài vừa được chia lại rồi so sánh với nhau. Nếu như điểm của người cầm chương cao hơn (kể cả về chất bài) điểm của người chơi nào thì người cầm chương được chiếm hưởng số tiền mà người chơi đó đã đặt cửa từ trước và ngược lại nếu như điểm của người cầm chương thấp hơn (kể cả về chất bài) điểm của người chơi thì người cầm chương phải trả cho người chơi số tiền bằng với số tiền mà người chơi đã đặt cửa. Nếu ai được 10 điểm to hơn về chất hoặc có 03 cây bài liền kề nhau, cùng chất (gọi là đồng hoa) và to hơn bài của người cầm chương thì người cầm chương ở ván bài đó phải trả cho người chơi gấp hai lần số tiền mà người chơi đó đã đặt cửa đồng thời nếu ai được 10 điểm to nhất về chất thì được cầm chương ở ván bài tiếp theo. Nếu người chơi có 03 cây bài cùng loại (gọi là sếp) và to hơn bài của người cầm chương thì người cầm chương phải trả gấp ba lần số tiền mà người chơi đó đã đặt cửa. Ngược lại nếu người cầm chương có số điểm là 10 hoặc đồng hoa hoặc sếp và to hơn bài của những người chơi thì người cầm chương được chiếm hưởng số tiền lần lượt là gấp hai hoặc gấp ba lần số tiền mà người chơi đặt cửa ở ván bài đó. Ở mỗi ván bài thì bắt buộc ai cũng phải chơi với người cầm chương với mức chơi quy định là 100.000 đồng/ván, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được

chứng minh là 16.590.000 đồng. Quá trình đánh bạc, các bị can không phải nộp khoản tiền gì cho Hà Đức Đ.

Tại bản Cáo trạng số 02/KSĐT-TA ngày 28/12/2017 và tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đình V, Nguyễn Như L, Trần Đỗ L và Hà Đức Đ phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, khoản 5 Điều 60, Điều 50, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo L từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù; tổng hợp hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 19/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam, buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 50, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo L từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù; tổng hợp hình phạt 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ của Bản án số 102/HSST ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo V từ 06 tháng tù đến 01 năm tù. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo B, H; xử phạt mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Th, Đ, T; xử phạt mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, đối trừ 08 ngày tạm giữ; miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Áp dụng Điều 30 Bộ luật hình sự; phạt mỗi bị cáo từ 01 đến 02 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 16.590.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cỏi. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; trả lại bị cáo Tuấn 12.200.0000 đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trong bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo V, B, Th, H, T, Đ đề nghị được cải tạo ở ngoài xã hội để lao động, chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] - Về tội danh: Hành vi cùng nhau đánh bài được thua bằng tiền với hình thức chơi “ba cây” với tổng số tiền là 16.590.000 đồng, gồm 9.400.000 đồng thu tại nơi đánh bạc và 7.190.000 đồng trên người các bị cáo của các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đình V, Nguyễn Như L, Trần Đỗ L đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Hà Đức Đ mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc và không thu

lợi từ việc đánh bạc của các bị cáo nhưng là chủ nhà, biết các bị cáo khác đang đánh bạc trái phép ở nhà mình nhưng vẫn đồng ý để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do vậy bị cáo Đ đồng phạm với các bị cáo B, V, Th, T, L, L, H về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình” theo điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo B, Th, H, T, Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, L phải chịu tình tiết “Tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo B, Th, H, T, Đ, V không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, làm mất an ninh tại địa bàn phạm tội. Mặc dù đây là vụ án ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, quy mô nhỏ, nhất thời phạm tội, không có sự phân công, chuẩn bị từ trước; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo khai báo thành khẩn, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải song Hội đồng xét xử thấy rằng khi quyết định hình phạt phải xem xét đến vai trò, mức độ tham gia, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án để cân nhắc khi áp dụng hình phạt, thể hiện quan điểm cá thể hóa tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Xét các bị cáo L, L, V đã bị kết án về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo B, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng do vậy chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Các bị cáo Th, T tham gia đánh bạc với thời gian, quy mô ít hơn; bị cáo Đ không trực tiếp đánh bạc do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; đồng thời xét biên bản xác minh tài sản và đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo Th, T, Đ khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập. Hội đồng xét xử nhắc nhở các bị cáo B, H, Th, T, Đ phải lấy đây làm bài học để rèn luyện, cải tạo bản thân mà không có những hành vi vi phạm pháp luật.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình và nhân thân của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt.

Đồng thời xét thấy: Bị cáo L phạm tội trong thời gian thử thách án treo của Bản án số 19/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo L phạm tội khi chưa chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của Bản án số 102/HSST ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội; do vậy cần phải tổng hợp hình phạt để buộc các bị cáo L, L phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của Bộ luật hình sự.

[2] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếc chiếu không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 16.590.000 đồng là tiền các bị cáo đã và sẽ dùng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 12.200.000 đồng thu giữ trên người bị cáo T không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại bị cáo tuy nhiên tiếp tục được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[5] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Đối với việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B xác định 01 điện thoại Iphone 6S màu đen, 01 điện thoại Oppo Neo 3 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng, 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu trắng, 01 điện thoại Oppo A57 màu đen, 01 điện thoại Samsung A7 màu đồng, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen là tài sản hợp pháp của các bị cáo V, H, Th, T, B, L, L không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho các bị cáo là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tất cả các bị cáo.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, khoản 5 Điều 60, Điều 50, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Như L.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 50, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Đỗ L.

- Áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Đình V.

- Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Hà Đức B, Lê Hữu H.

- Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Hà Đức Th, Hà Đức Đ, Hà Đức T.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đình V, Nguyễn Như L, Trần Đỗ L, Hà Đức Đ phạm tội “Đánh bạc”.

2. - Xử phạt bị cáo Nguyễn Như L 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 19/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam; buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù; được trừ 09 ngày tạm giữ của lần phạm tội trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Như L bị tạm giữ (18/11/2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Đỗ L 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ của Bản án số 102/HSST ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 21 (Hai mươi một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (18/11/2017).

- Xử phạt bị cáo Hà Đình V 08 (Tám) tháng tù. Đối trừ thời hạn bị cáo V bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 18/11/2017 đến ngày 11/12/2017); thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

- Xử phạt các bị cáo Hà Đức B, Lê Hữu H; mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (05/02/2018).

- Xử phạt các bị cáo Hà Đức Th, Hà Đức Đ, Hà Đức T; mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; được đối trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (Tám) tháng 06 (Sáu) ngày. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Th, Đ, T được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Th, Đ, T.

Giao các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đức Đ cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục. Trong trường hợp các bị cáo B, H thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng hình phạt bổ sung: Phạt sung quỹ Nhà nước đối với tất cả các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đình V, Nguyễn Như L, Trần Đỗ L, Hà Đức Đ; mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt một lần tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 16.590.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói. Trả lại bị cáo Hà Đức T 12.200.0000 đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự, sau khi thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự nếu còn lại tiền thì sẽ được trả lại bị cáo T.

Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; Ủy nhiệm chỉ số 04 ngày 09/01/2018 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hà Đức B, Hà Đức Th, Hà Đức T, Lê Hữu H, Hà Đình V, Nguyễn Như L, Trần Đỗ L, Hà Đức Đ; mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai; báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)